TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Trần Xuân Văn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1**. Ông Lê Văn Thành**

2**. Ông Trần Thanh Tùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 804/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Anh Trần Võ Phương N**, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị và anh Trần Võ Phương N do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2005. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 01/7/2007 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ đầu năm 2018 đến nay anh N có nhiều thay đổi, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc. Mặc dù chị L nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng

đã ly thân, tình cảm không còn khả năng hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nam B, sinh ngày 04/8/2007 và Nguyễn Khiết B1, sinh ngày 27/4/2009. Hiện các con chung đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị L yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Trần Võ Phương N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 28/02/2019, anh N trình bày đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Võ Phương N là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Võ Phương N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét yêu cầu của anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt của anh N.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Võ Phương N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 85 ngày 01/7/2007 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của hai bên đã không còn hạnh phúc. Chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Bản thân anh N có bản khai trình bày đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L. Tại phiên tòa, chị L khẳng định không còn tình cảm với anh N, không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L khai có 02 con Nguyễn Nam B, sinh ngày 04/8/2007 và Nguyễn Khiết B1, sinh ngày 27/4/2009. Hiện các con đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị L yêu cầu giao con chung cho anh N nuôi, chị không cấp dưỡng. Phía anh N có bản khai yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Xét thấy, hai cháu Nguyễn Nam B và Nguyễn Khiết B1 chung sống cùng chị L và anh N từ nhỏ tại Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T. Từ khi hai bên bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn đến nay thì các cháu vẫn tiếp tục sống cùng anh N cuộc sống ổn định, điều kiện sống tốt, các cháu có nguyện vọng được sống cùng anh N. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị L và anh N. Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Nam B và Nguyễn Khiết B1 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 71, 72 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim L ly hôn vối anh Trần Võ Phương N;

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Nam B, sinh ngày 04/8/2007 và Nguyễn Khiết B1, sinh ngày 27/4/2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu;

Chị L có nghĩa vụ và quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09546 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bị đơn anh Trần Võ Phương N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tự ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn